

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án TP T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/ TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXX- ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V “có mặt”

Địa chỉ: L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế Đ, ông Lê Ngọc V, ông Nguyễn Chí T - Chuyên viên xử lý nợ ngân hàng, chi nhánh Thanh Hóa (theo văn bản ủy quyền số 2278/2020/UQ-VPB ngày 21/8/2020).

Bị đơn: Anh Phạm Văn T - SN 1983 “vắng mặt”

Chị Lê Thị H - SN 1984 “vắng mặt”

Trú tại: đường T, phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 29 tháng 6 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP V và anh Phạm Văn T, chị Lê Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 3815764. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho anh T, chị H vay số tiền: 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), mục

đích vay tiền: mua sắm nội thất gia đình, thời hạn vay: 120 tháng. Phương thức thanh toán và tiền lãi thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 655-1, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: phố T, phường Q, TP T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 511834 do UBND Thành phố T cấp ngày ngày 18/11/2013 cho anh T và chị H. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20140318 ngày 18/3/2014 và các phụ lục hợp số 01/PLHĐ ngày 27/11/2014; số 02/PLHĐ ngày 26/6/2015; số 03/PLHĐ ngày 30/7/2016 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa và Văn bản thỏa thuận ngày 30/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP V và anh Phạm Văn T, chị Lê Thị H đã ký kết.

Ngày 16/10/2018 Ngân hàng V và chị Lê Thị H đã ký Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử. Theo hợp đồng trên thì Ngân hàng cho chị H vay số tiền: 126.000.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu đồng), mục đích vay vốn: vay tiêu dùng, thời hạn vay: 36 tháng. Phương thức thanh toán và tiền lãi thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì anh T, chị H đã thanh toán được cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 là 61.318.000 tiền gốc và 62.253.499đ tiền lãi. Đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ đã trả 20.792.500đ tiền gốc và 11.202.903đ tiền lãi. Tổng cả hai hợp đồng đã trả được: 155.566.902đ (trong đó: tiền gốc: 82.110.500; tiền lãi: 73.456.402đ) sau đó đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu trả nợ nhưng anh chị vẫn không thanh toán.

Tính đến ngày 23/3/2021 anh chị còn nợ Ngân hàng của Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 số tiền là: 146.915.683đ (tiền gốc là: 98.682.000đ, tiền lãi trong hạn: 6.702.216đ và tiền lãi quá hạn: 41.531.467đ); Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ ngày 16/10/2018 còn nợ 157.484.392đ (tiền gốc là: 96.257.500đ, tiền lãi trong hạn: 4.387.277đ và tiền lãi quá hạn là: 56.839.615đ). Tổng số tiền nợ của 02 hợp đồng là: 304.400.075đ (gốc và lãi).

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh T, chị H phải thanh toán cho Ngân hàng T bộ số tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng là 304.400.075đ và tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp anh T, chị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng số tiền nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Hợp đồng thế chấp tài sản số 20140318 ngày 18/3/2014 và các phụ lục hợp số 01/PLHĐ ngày 27/11/2014; số 02/PLHĐ ngày 26/6/2015; số 03/PLHĐ ngày 30/7/2016 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh

Hóa và Văn bản thỏa thuận ngày 30/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP V và anh Phạm Văn T, chị Lê Thị H đã ký kết.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ chị Lê Thị H và anh Phạm Văn T là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về thời gian vay, số tiền vay, tài sản thế chấp và số tiền trả nợ cho 02 khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử như Ngân hàng trình bày anh chị thừa nhận là đúng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì anh chị đã thanh toán 02 khoản vay cho Ngân hàng được bao nhiêu thì không nhớ nhưng sau khi vay do anh chị gặp khó khăn về kinh tế nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo như cam kết trong hợp đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu anh chị trả số tiền nợ gốc lãi của 02 hợp đồng là 304.400.075đ anh chị thừa nhận là đúng

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh T, chị H để lên tham gia phiên hòa giải tuy nhiên anh chị không lên tham gia phiên hòa giải.

Ngày 23/3/2021 Ngân hàng và chị H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ và phương thức thanh toán. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã thỏa thuận và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 là phù hợp pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng được ký kết giữa các bên là hoàn T nguyên, do vậy khi phát sinh tranh chấp Tòa án thành phố Thanh Hóa giải quyết là đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với anh T, chị H để tham gia phiên tòa nhưng anh chị vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] *Về nội dung:*

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ đã được các bên ký kết có nội dung, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho chị H và anh T theo khế ước nhận nợ được thể hiện trong hồ sơ. Mặc dù tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử tuy chỉ có chị H ký kết với ngân hàng mục đích để tiêu dùng nhưng tại bản tự khai anh T đồng ý là số nợ chung nên buộc anh chị cùng trả nợ chung đối với khoản vay này là phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị H và anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc anh chị phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 23/3/2021 của Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 số tiền 146.915.683đ (nợ gốc: 98.682.000đ, tiền lãi trong hạn: 6.702.216đ, tiền lãi quá hạn: 41.531.467đ) và số tiền nợ tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 16/10/2018 là 157.484.392đ (nợ gốc là: 96.257.500đ, tiền lãi trong hạn: 4.387.277đ và lãi quá hạn là: 56.839.615đ). Tổng số tiền nợ của 02 hợp đồng là 304.400.075đ và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

- Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 120140318-NMT ngày 18/3/2014, số công chứng 1126 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và các phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 27/11/2014, số công chứng 5466, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD; phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/PLHĐTC ngày 29/6/2015, số công chứng 2573, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 30/7/2016, số công chứng 3336, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa được ký kết giữa các bên là hoàn T tự nguyện. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, có công chứng chứng thực và làm thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý. Ngoài ra, ngày 30/7/2016 giữa Ngân hàng và anh T, chị H có ký một văn bản thỏa thuận xác nhận T bộ tài sản trên đất đang thế chấp được sử dụng để thanh toán cho nghĩa vụ tại Ngân hàng. Do vậy, trường hợp anh T, chị H không thanh toán được các khoản nợ vay tại Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 cho Ngân hàng, thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Ngày 23/3/2021 thì Ngân hàng và chị H thống nhất thỏa thuận được số tiền nợ và phương thức thanh toán, theo đó Ngân hàng đồng ý cho anh T, chị H trả số tiền nợ 304.400.075đ của 02 hợp đồng thành 05 kỳ vào ngày 26 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021. Tại phiên tòa, ngân hàng vẫn giữ nguyên việc thỏa thuận nên chấp nhận.

[5] **Về án phí:** Anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.220.000đ (làm tròn số).

Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 BLTTDS. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 299; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 23/3/2021 của Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 là: 146.915.683đ (trong đó: nợ gốc là: 98.682.000đ, tiền lãi trong hạn: 6.702.216đ, tiền lãi quá hạn: 41.531.467đ) và tiền nợ tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ ngày 16/10/2018 là 157.484.392đ (trong đó: nợ gốc là 96.257.500đ, tiền lãi trong hạn: 4.387.277đ và lãi quá hạn là: 56.839.615đ). Tổng số tiền nợ của 02 hợp đồng là 304.400.075đ (nợ gốc là: 194.939.500đ và tiền lãi là: 109.460.575đ).

- Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V cho anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H trả số tiền nợ 304.400.075đ của 02 Hợp đồng vay vào 05 kỳ như sau:

Đợt 1: Vào ngày 26/4/2021 trả 50.000.000đ tiền gốc

Đợt 2: Vào ngày 26/5/2021 trả 50.000.000đ tiền gốc

Đợt 3: Vào ngày 26/6/2021 trả 50.000.000đ tiền gốc

Đợt 4: Vào ngày 26/7/2021 trả 44.939.500đ tiền gốc và 5.060.500đ tiền lãi

Đợt 5: Vào ngày 26/8/20121 trả 104.400.075 tiền lãi

Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi thanh toán xong T bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/10/2018 đã được ký kết giữa các bên.

Trường hợp anh T, chị H vi phạm bất kỳ lần thanh toán nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 655-1, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: phố T, phường Q, TP T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 511834 do UBND Thành phố Thanh Hóa cấp ngày ngày 18/11/2013 cho anh T và chị H. Hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất số 20140318-NMT ngày 18/3/2014, số công chứng 1126, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và các Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 27/11/2014, số công chứng 5466, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD; phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/PLHĐTC ngày 29/6/2015, số công chứng 2573, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 30/7/2016, số công chứng 3336, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa và Văn bản thỏa thuận ngày 30/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP V và anh Phạm Văn T, chị Lê Thị H đã ký kết để đảm bảo cho việc trả nợ và thi hành án đối với khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 3815764 ngày 29/6/2015.

Về án phí: Anh T, chị H chịu án phí DSST được làm tròn số là 15.220.000đ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.078.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0001609 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- L- u hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy